

KẾ HOẠCH

Khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của huyện Đức Cơ năm 2021 và những năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 628/QĐ-BNV ngày 21/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020.

Năm 2020, Chỉ số CCHC tỉnh Gia Lai đạt 84,81/100 điểm, cao hơn năm 2019 là 4,23 điểm và xếp vị trí thứ 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cao hơn 20 bậc so với năm 2019). Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời cải thiện và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chỉ số thành phần trong Chỉ số CCHC, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch số 1320/KH-UBND ngày 14/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2021 và những năm tiếp theo. Trên cơ sở Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh UBND huyện Đức Cơ ban hành Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của huyện Đức Cơ năm 2021 và những năm tiếp theo, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong triển khai thực hiện công tác CCHC trên địa bàn huyện Đức Cơ.

- Nâng cao hiệu quả CCHC trên địa bàn huyện; khắc phục những tồn tại, hạn chế trong kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2020. Phấn đấu Chỉ số CCHC của huyện năm 2021 tăng điểm và tăng hạng so với năm 2020.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện kế hoạch phải đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các nội dung, tiêu chí đánh giá của Sở Nội vụ.

- Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phổ đặc biệt là các cơ quan theo dõi, phụ trách các lĩnh vực của công tác CCHC đánh giá đúng

thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số CCHC.

- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai, thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Các cơ quan, đơn vị được UBND huyện giao nhiệm vụ chủ trì triển khai các lĩnh vực CCHC của huyện phải tăng cường phối hợp, nâng cao trách nhiệm giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác CCHC.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tập trung khắc phục, cải thiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần còn tồn tại, hạn chế

1.1. Tiêu chí “Thực hiện kế hoạch CCHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành 100% kế hoạch.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Nội vụ thường xuyên theo dõi, đánh giá, quán triệt việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC để kịp thời phát hiện và tham mưu chỉ đạo xử lý những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai và phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra trong Kế hoạch năm.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC; quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC; rà soát lại những nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2011/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020 của UBND về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của huyện Đức Cơ, đồng thời nâng cao tinh thần, trách nhiệm, quan tâm chỉ đạo thực hiện để hoàn thành kế hoạch năm 2021.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.2. Tiêu chí thành phần “Công khai thủ tục hành chính (TTHC) trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại 2 cấp chính quyền của huyện được công khai trên Cổng TTĐT của huyện, Cổng dịch vụ công của tỉnh; 100% cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình.

vụ công của tỉnh; 100% cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện Kịp thời cập nhật danh mục, thông tin TTHC của huyện vào Cổng thông tin điện tử của huyện.

- Phòng Văn hóa và Thông tin: Thường xuyên đôn đốc các xã, thị trấn tăng cường cung cấp thông tin lên Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử; phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai đảm bảo hoạt động ổn định, bảo mật, an toàn thông tin, kết nối, đồng bộ dữ liệu về với Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời các TTHC được cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử khi có thay đổi.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND-UBND huyện.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Phòng Văn hóa và Thông tin, Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.3. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Văn phòng Đăng ký đất đai yêu cầu xác định nguyên nhân tỷ lệ hồ sơ chậm trễ cao từ đó có giải pháp khắc phục cụ thể nhằm giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trong giải quyết thuộc lĩnh vực đất đai xuống dưới 0,5% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- + Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức; nếu để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức.

- + Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND- UBND huyện.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

1.4. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về lãnh đạo; 100% số phòng thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó và có cơ cấu hợp lý giữa số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo (Cơ cấu hợp lý được hiểu là: Trong một tổ chức số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Nội vụ rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc sắp xếp lại cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, sắp xếp lại cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương theo các quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ nhưng phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.5. Tiêu chí “Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Nội vụ:

+ Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính, trong đó phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Nâng cao nhận thức của tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu về công tác cán bộ và thực hiện công tác cán bộ; đồng thời rút kinh nghiệm, làm rõ nguyên nhân sai sót, xác định cụ thể trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và thực hiện các giải pháp phù hợp để xử lý, khắc phục (nếu có).

+ Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện tự kiểm tra, rà soát công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để kịp thời xử lý, khắc phục những hạn chế, tồn tại, thiếu sót trong thực hiện quy trình, quy định, thủ tục, tiêu chuẩn, điều kiện về công tác cán bộ.

+ Rà soát để điều chỉnh, bổ sung kịp thời công tác quy hoạch cán bộ thuộc thẩm quyền; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ tại các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.6. Tiêu chí thành phần “Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Nội vụ tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan hành chính nhà nước theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương

+ Tiếp tục quán triệt các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm nêu gương trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh nội quy, quy chế, quy trình làm việc, quy trình giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương như: quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa cấp ủy và lãnh đạo cơ quan, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị... bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các văn bản của cấp trên và phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tăng cường trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đảm bảo công khai dân chủ trong công tác tổ chức cán bộ, công khai tài chính...

+ Xây dựng kế hoạch và thường xuyên kiểm tra công vụ trong việc thi hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại cơ quan và các đơn vị

trực thuộc. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm tạo điều kiện để công chức, người lao động và nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động của công chức, người lao động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và trong mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Chú trọng đến công tác phòng ngừa, tạo môi trường làm việc dân chủ, công khai, minh bạch, xây dựng tập thể đơn vị đoàn kết, không ngừng nâng cao ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật của công chức, viên chức, người lao động. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, kỷ cương tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.7. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Nội vụ rà soát lại tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn huyện về số lượng, chất lượng theo từng nhóm chức danh, gắn với vị trí công việc hiện tại; xác định rõ những mặt hạn chế và yếu kém để đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa sử dụng lâu dài hoặc bổ sung, thay thế; đào tạo, bồi dưỡng của địa phương cần gắn với nhu cầu sử dụng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; ưu tiên đào tạo các vị trí quan trọng, cần thiết; tiếp tục khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập, bồi dưỡng.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương

+ Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp xã cho từng năm và cả nhiệm kỳ. Tổ chức rà soát để có phương án đào tạo, bồi dưỡng đối với những người còn thiếu tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, xây dựng phương án bố trí, sắp xếp sang vị trí công tác khác đối với những người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng không hoàn thành đúng thời gian quy định.

+ Đối với cán bộ lớn tuổi ở cấp xã hiện nay, nếu không đáp ứng đủ trình độ chuyên môn, không có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thì có thể giải quyết theo chế độ thôi việc để kiện toàn và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cho phù hợp với quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

1.8. Tiêu chí thành phần “Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 (khoản 5 mục III); trong đó lưu ý đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước đến ngày 30/9/2021 đạt 60% kế hoạch được giao, đến ngày 31/01/2022 đạt 100% kế hoạch được giao.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch:

+ Kịp thời cấp mã số dự án; tiếp tục nhập vốn cho các dự án ngay sau khi UBND huyện có Quyết định phân bổ vốn cho các chủ đầu tư.

+ Tham mưu UBND huyện điều chỉnh vốn từ các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các dự án thiếu vốn.

+ Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý, các xã, thị trấn thực hiện công tác đăng ký cấp mã dự án; đối với các dự án đã được cấp vốn khẩn trương thực hiện, giải ngân đảm bảo kế hoạch được giao.

+ Tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư trong việc thực hiện thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành, đảm bảo đúng quy định về thời gian.

+ Chủ trì tổ chức kiểm tra, đôn đốc công tác giải ngân vốn đầu tư công; rà soát việc phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án; cắt giảm, điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân (đến ngày 30/9/2021 giải ngân vốn đạt dưới 60% kế hoạch được giao) sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn; ưu tiên cho các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ. Tham mưu UBND huyện giao vốn đối với các chương trình, dự án chưa giao vốn năm 2021 ngay sau khi UBND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện và các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chủ đầu tư liên quan thống nhất về biểu mẫu, các nội dung, số liệu báo cáo để tổng hợp báo cáo tiến độ giải ngân, việc xử lý các vướng mắc về UBND tỉnh hàng tuần (trước 15 giờ ngày Thứ Năm), hàng tháng (trước ngày 20), cũng như báo cáo đột xuất.

+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư lập các biểu mẫu; tổng hợp báo cáo tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản, giải ngân vốn, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện, kết quả kiểm tra và đề xuất kiến nghị của Tổ công tác (thành lập tại Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh

giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Gia Lai). Báo cáo gửi UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trước 14 giờ 00 thứ Hai và thứ Năm hàng tuần để theo dõi chỉ đạo.

+ Tham mưu cho UBND huyện kiến nghị với UBND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi những quy định chưa phù hợp dẫn đến tỷ lệ giải ngân thấp.

- Kho bạc Nhà nước huyện tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện công tác theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư trong quá trình giải ngân vốn đầu tư; báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm tình hình giải ngân vốn đầu tư các dự án ngân sách địa phương quản lý trên địa bàn huyện (qua Phòng Tài chính – Kế hoạch) để thống nhất tổng hợp số liệu giải ngân vốn đầu tư công (cụ thể từng dự án) của huyện.

- UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án đầu tư, nhất là công tác giải phóng mặt bằng, đấu thầu. Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, tài nguyên. Đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay sau khi có khối lượng; thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, lựa chọn nhà thầu đủ năng lực. Xử lý nghiêm các trường hợp nhà thầu vi phạm tiến độ hợp đồng.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chủ đầu tư, ban quản lý các dự án chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về kết quả giải ngân vốn đầu tư công của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; phân công cụ thể lãnh đạo trực tiếp phụ trách, chỉ đạo việc giải ngân, thường xuyên kiểm tra tiến độ tại thực địa, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án; tổ chức giao ban định kỳ hàng tuần với các chủ đầu tư về tình hình thực hiện các dự án, giải ngân kế hoạch đầu tư công.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021 và đầu năm 2022.

1.9. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước”; Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch:

+ Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính để phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Việc lập dự toán phải trên cơ sở chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước, dự toán phải bảo đảm chi tiết theo từng nội dung chi, thuyết minh rõ cơ sở căn cứ tính toán từng nội dung chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

+ Quá trình thực hiện chi các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chi theo đúng dự toán được giao, chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; kinh phí kinh phí đặc thù cuối năm chi không hết phải hoàn trả lại ngân sách hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

+ Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính phải tổ chức rà soát lại quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định để thực hiện chi tiêu, bảo đảm quy chế phải quy định rõ các nội dung chi theo chế độ, mức chi của từng nội dung chi.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.10. Tiêu chí thành phần “Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch:

+ Sau khi thanh tra, kiểm toán kết thúc, tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch khắc phục kiểm toán, trong kế hoạch ghi rõ cụ thể thời gian hoàn thành đối với các đơn vị, địa phương.

+ Triển khai một số nội dung như: Tích cực tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo các địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; Thường xuyên theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị để tổng hợp báo cáo UBND huyện về kết quả khắc phục các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

- Các đơn vị được kiểm toán:

+ Cần nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Kiểm toán nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà

nước về thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, rà soát lại các tồn tại trong quản lý tài chính kế toán, điều hành, thanh toán và quyết toán kinh phí.

+ Tự tổ chức kiểm tra, rà soát lại kết quả kiểm toán, nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán đúng thời gian quy định và phải gửi báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán về Phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND huyện. Với các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước còn chưa phù hợp, không còn tính khả thi, khó khăn trong thực hiện, đơn vị được kiểm toán cần chủ động báo cáo giải trình kịp thời với cơ quan cấp trên và Kiểm toán nhà nước để được xem xét, giải quyết.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.11. Tiêu chí thành phần “Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của huyện về quản lý, sử dụng tài sản công”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Ban hành văn bản đảm bảo nội dung, số lượng, thời gian và công khai đầy đủ theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Phòng Tài chính – Kế hoạch cần theo dõi, cập nhật các quy định mới để chủ động tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của huyện về quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng HĐND- UBND huyện trong công tác tham mưu.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng HĐND- UBND huyện; Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

1.12. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hạn chế tối đa văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng HĐND- UBND huyện tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành Công văn triển khai Danh mục văn bản điện tử gửi kèm văn bản giấy giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên hệ

thống Quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tăng cường trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử, chỉ trao đổi một số văn bản dưới dạng điện tử song song với bản giấy khi quy định của pháp luật có yêu cầu.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Cơ quan thực hiện: Văn phòng HĐND- UBND huyện; các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.13. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công (DVC) quốc gia”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% DVC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Văn hóa và Thông tin tiếp tục phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND huyện và các đơn vị, địa phương liên quan, rà soát, tích hợp tất cả các dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng DVC quốc gia.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với Văn phòng HĐND- UBND huyện rà soát các TTHC, tái cấu trúc quy trình để đảm bảo thực hiện trên môi trường điện tử và tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND huyện phê duyệt làm cơ sở xây dựng thành các dịch vụ công trực tuyến.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Văn phòng HĐND- UBND huyện; các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

1.14. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Từ 50% TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Văn hóa và Thông tin:

+ Tham mưu UBND huyện các giải pháp kỹ thuật để tăng cường đảm bảo về an toàn và an ninh thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3 và 4.

+ Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để duy trì kết nối Công dịch vụ công của tỉnh, nâng cao tỷ lệ tích hợp các DVCTT lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

+ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện cung cấp DVCTT mức độ 3 và 4 theo quy định; đưa các tiêu chí về cung cấp DVCTT mức độ 3 và 4 gắn với các tiêu chí đánh giá xây dựng Chính quyền điện tử, CCHC hằng năm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tiếp tục xây dựng, chuẩn hóa các DVCTT mức độ 3 và 4 trên các thiết bị di động thông minh; qua ứng dụng Zalo... để tạo thuận tiện cho công dân, doanh nghiệp.

- Bưu điện huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện DVCTT mức độ 3 và 4; tiếp tục đào tạo, tập huấn cho nhân viên Bưu điện cách sử dụng phần mềm DVCTT mức độ 3 và 4, hiểu về quy trình của từng đơn vị để hỗ trợ, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT mức độ 3 và 4 khi thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ.

- Hiệp Hội Doanh nghiệp huyện phối hợp, tuyên truyền, vận động hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; kịp thời phản ánh các nội dung còn chưa đạt về Phòng Văn hóa và Thông tin để xử lý, nếu vượt quá thẩm quyền Phòng Văn hóa và Thông tin sẽ xin ý kiến chỉ đạo của UBND huyện.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện trên môi trường điện tử; Công văn số 1094/UBND-NC ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

+ Các cơ quan nhà nước khi thực hiện các với cơ quan hành chính nhà nước khác thì không được nộp trực tiếp, phải nộp trực tuyến để từng bước đẩy mạnh việc sử dụng các DVCTT mức độ 3 và 4.

+ Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết, thực hiện đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, hướng dẫn để người dân, tổ chức và doanh nghiệp tích cực sử dụng và hiểu được lợi ích của việc sử dụng các DVCTT mức độ 3 và 4; có thể tham khảo, áp dụng các giải pháp đã thực hiện ở các đơn vị đang có tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo hình thức trực tuyến cao trong các tháng đầu năm 2021 để áp dụng tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Bưu điện huyện, Hiệp hội Doanh nghiệp huyện/ Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.15. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Từ 50% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Văn hóa và Thông tin tham mưu UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI; xác định rõ trách nhiệm từng đơn vị để thực hiện tốt, chức năng, nhiệm vụ được giao trong năm 2021.

- Bưu điện huyện:

+ Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Bưu điện huyện trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

+ Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ Bưu chính công ích, tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ.

- Hiệp hội Doanh nghiệp huyện phối hợp, tuyên truyền, vận động hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong việc gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với Bưu điện huyện đẩy mạnh tuyên truyền bằng hình thức cổ động trực quan như pa-nô, khẩu hiệu, hệ thống loa đài tuyên truyền và xe lưu động.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Bưu điện huyện, Hiệp hội Doanh nghiệp huyện/Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.16. Tiêu chí “Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao từ 4% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch:

+ Tiếp tục phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện tốt công tác thu ngân sách nhà nước; tham mưu cho UBND huyện điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

+ Chủ động phối hợp với các đơn vị tăng cường công tác tổng hợp đánh giá tình hình, dự báo khả năng thu ngân sách hàng tháng, hàng quý.

+ Phối hợp với cơ quan thuế tham mưu thực hiện thanh kiểm tra, nhằm chống thất thu từ hoạt động dịch vụ; tăng thu từ các dự án giao đất, thu từ thuế tài nguyên. Đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng, hướng dẫn cơ chế, chính sách, định mức tài chính phù hợp với thực tế địa phương.

+ Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra theo chuyên đề với mục tiêu nâng cao hiệu quả chi tiêu công, thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính ngân sách.

- Chi cục thuế huyện:

+ Rà soát, đánh giá, khai thác đầy đủ và hiệu quả các nguồn thu ở địa phương, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, đặc biệt là các khoản thu mới phát sinh cho ngân sách Nhà nước. Đồng thời rà soát lại các chỉ tiêu và giao cho chi cục thuế khu vực thực hiện triệt để các nguồn thu.

+ Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, đa dạng hóa các phương thức, hình thức tuyên truyền, đẩy mạnh công tác hỗ trợ người nộp thuế bằng phương thức điện tử.

+ Tăng cường công tác thanh, kiểm tra chống thất thu thuế, xây dựng hệ thống giám sát thanh tra, kiểm tra theo phương thức điện tử, tập trung thanh, kiểm tra đối với các doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế. Triển khai quyết liệt công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát công tác quản lý kê khai thuế đối với người nộp thuế, đảm bảo 100% các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đều được đưa vào diện quản lý và kê khai nộp thuế.

+ Tiếp tục rà soát, tham mưu, đề xuất với Phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương bám sát từng đối tượng nợ đọng ngân sách kéo dài, kịp thời tuyên truyền, nhắc nhở, có biện pháp kiên quyết đối với các tổ chức, cá nhân cố tình không nộp ngân sách theo quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Cơ quan thực hiện: Chi cục thuế huyện; Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.17. Tiêu chí “Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tăng cao hơn so với năm 2020 (năm 2020 tăng 6,3%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp để đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu tăng trưởng do HĐND giao.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Đẩy mạnh các biện pháp kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19, không để lây lan diện rộng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách và CCHC (đây chính là khâu cần tập trung và là vấn đề đặt ra đối với huyện hiện nay). Trong đó, tập trung vào việc nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển khu vực kinh tế trọng điểm, sản phẩm chủ lực; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển hạ tầng giao thông, khu kinh tế, đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; đẩy mạnh phát triển du lịch, giải quyết các vấn đề môi trường...

+ Nâng cao chất lượng, nâng tầm thương hiệu, đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm thuộc Chương trình OCOP, nhất là các sản phẩm mà địa phương có thế mạnh.

+ Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư, nhất là các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các dự án mà huyện có tiềm năng, thế mạnh như nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng xanh,...

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

1.18. Tiêu chí “Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao đạt và vượt.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30/11/2020 của Tỉnh ủy về Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021; Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI - kỳ họp thứ Mười sáu về thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và Quyết định số

702/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 cho các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý; các chủ đầu tư để triển khai thực hiện.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính- Kế hoạch.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

2. Cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)

2.1. Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ tăng ít nhất 2% so với năm 2020 (năm 2020 là 84,78%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc bố trí gọn gàng, sạch sẽ và đầy đủ trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là bộ phận Một cửa).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện huyện (đối với những nơi đã chuyển Bộ phận một cửa sang Bưu điện):

+ Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC một cách dễ dàng, nhanh chóng tại trụ sở của cơ quan, trên Trang thông tin điện tử. Ngoài ra, mở rộng các hình thức thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC qua Truyền thanh – Truyền hình, qua mạng xã hội.

+ Tiếp tục quan tâm cải thiện nơi làm việc, bổ sung thêm trang thiết bị, phương tiện phục vụ tiếp đón và làm việc tại Bộ phận một cửa đảm bảo đầy đủ biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy; đủ chỗ ngồi cho người dân, tổ chức đến giao dịch; trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức đầy đủ, dễ sử dụng; khắc phục những điểm bất hợp lý trong không gian đón tiếp, làm việc với người dân, tổ chức, chấm dứt tình trạng người dân, tổ chức phải đứng làm việc với cơ quan nhà nước hoặc vị trí ngồi giao dịch còn bất tiện, kém thoải mái.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND-UBND huyện.

- Cơ quan thực hiện: Bưu điện huyện; các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

2.2. Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Giữ vững hoặc nâng cao tỷ lệ hài lòng so với năm 2020 (năm 2020 là 90,92%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện thường xuyên kiểm tra bằng nhiều hình thức phù hợp.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương

- + Phải niêm yết công khai, minh bạch TTHC tại vị trí thuận tiện, khoa học để người dân dễ tiếp cận, tìm hiểu; cập nhật đầy đủ, kịp thời những thay đổi của TTHC khi có quyết định công bố của UBND tỉnh.

- + Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền các hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.

- + Nâng cao chất lượng hoạt động của các Cổng/Trang thông tin điện tử, vận hành hiệu quả Trang thông tin điện tử của địa phương. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và có giải pháp để hỗ trợ, giúp người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- + Nghiêm túc rà soát, kiến nghị đơn giản hóa những TTHC rườm rà, phức tạp; hoặc đề xuất bổ sung loại giấy tờ cần thiết vào trong quy định, tránh tình trạng công chức giải quyết tự ý đòi bổ sung thêm các giấy tờ khác ngoài quy định; tăng cường các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức trong việc lập hồ sơ, TTHC (như xây dựng các bộ biểu mẫu tham khảo, thành lập các tổ tư vấn thực hiện thủ tục ngay tại Bộ phận một cửa, tư vấn qua điện thoại, website, ứng dụng di động,...).

- + Thực hiện đảm bảo đúng quy trình quy định trong giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhất là về thành phần hồ sơ, mức phí/lệ phí và thời hạn giải quyết.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND-UBND huyện.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Bưu điện huyện/ Các cơ quan thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

2.3. Chỉ số hài lòng về công chức tại Bộ phận một cửa:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC tăng ít nhất 2% so với năm 2020 (năm 2020 là 84,87%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động của Bộ phận Một cửa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận một cửa; khi có phản ánh của người dân

về thái độ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận một cửa thì xác định lỗi và đề nghị thay đổi vị trí công tác (nếu cần).

- Phòng Nội vụ tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bưu điện làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm, năng lực chuyên môn khi tiếp nhận hồ sơ TTHC.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện huyện:

- + Tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra và xử lý ngay các trường hợp vi phạm về thái độ giao tiếp ứng xử, nội quy, giờ giấc làm việc. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện đòi hỏi giấy tờ sai quy định, tự đặt thêm khâu công việc, những nhiễu, tiêu cực. Chấp hành nghiêm các quy định về hướng dẫn hồ sơ bằng Phiếu hướng dẫn, đề nghị bổ sung hồ sơ không quá 01 lần và bằng văn bản, đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết phải có thông báo từ chối giải quyết hồ sơ, hồ sơ trễ hạn phải có thông báo hẹn lại thời gian trả kết quả,... Không để người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần.

- + Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên bồi dưỡng, hỗ trợ cho nhân viên bưu điện làm việc tại Bộ phận một cửa để nắm vững quy định về TTHC để cung cấp thông tin, hướng dẫn TTHC cho người dân, tổ chức đúng quy định, tận tình và chu đáo.

- + Phân công lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp theo dõi và chịu trách nhiệm về hoạt động của Bộ phận Một cửa, về thái độ, tinh thần trách nhiệm và năng lực giải quyết công việc của công chức một cửa và công chức chuyên môn có liên quan.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND-UBND huyện.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Phòng Nội vụ/Bưu điện huyện, các cơ quan thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

2.4. Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Giữ vững hoặc nâng cao tỷ lệ hài lòng so với năm 2020 (năm 2020 là 90,40%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện tăng cường công tác kiểm tra, trọng tâm là thực hiện trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập trong công tác cải cách TTHC; trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức phải đảm bảo kết quả giải quyết phù hợp với quy

định, đầy đủ thông tin, thông tin chính xác và đảm bảo tính công bằng; kiên quyết xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bru điện huyện:

+ Thực hiện nghiêm quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết. Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung để nâng cao tính công khai, minh bạch và kiểm soát việc giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Thực hiện nghiêm túc việc công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC xảy ra sai sót, quá hạn đối với kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Triển khai đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND-UBND huyện.

- Cơ quan thực hiện: Bru điện huyện, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

2.5. Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC tăng ít nhất 2% so với năm 2020 (năm 2020 là 81,12%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC và công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bru điện huyện:

+ Phân công cán bộ, công chức, viên chức sẵn sàng tiếp nhận, giải đáp, hướng dẫn những vấn đề mà người dân, tổ chức còn vướng mắc; kết quả trả lời, giải đáp những vướng mắc, phản ánh, kiến nghị phải được phản hồi trực tiếp, nhanh chóng cho người dân, tổ chức và công bố công khai qua Cổng/Trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại nơi làm việc và các hình thức phù hợp khác.

+ Công khai số điện thoại đường dây nóng của Bộ phận Kiểm soát TTHC - Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HDND-UBND huyện, của lãnh đạo

cơ quan, đơn vị, địa phương để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về giải quyết TTHC.

+ Kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND-UBND huyện.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2021.

3. Tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã thực hiện tốt, đạt hiệu quả

(Một số mục tiêu cụ thể nhằm duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC huyện Đức Cơ năm 2021 và những năm tiếp theo trong phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, đề ra các biện pháp, giải pháp, phân công trách nhiệm và nhiệm vụ với nguyên tắc “rõ việc - rõ người - rõ trách nhiệm - rõ thời gian - rõ hiệu quả” cho các phòng, ban, đơn vị và cho từng cán bộ, công chức, viên chức gắn với thường xuyên kiểm tra, đôn đốc quyết liệt để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác CCHC hàng năm theo Kế hoạch này và chỉ đạo của UBND huyện. **Thời gian gửi kế hoạch khắc phục, duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC về Phòng Nội vụ trước ngày 06/10/2021.**

Chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về việc tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện (lồng ghép trong báo cáo CCHC) về UBND huyện (thông qua Phòng Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND huyện).

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện tăng cường giám sát việc triển khai công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt đối với việc giải quyết TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp để đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định; vận động các hội viên, đoàn viên tích cực và tự giác tham gia với tư cách thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia xây dựng chính quyền.

3. Trung tâm Văn hóa và Thông tin, Công thông tin điện tử huyện tăng cường công tác tuyên truyền, kịp thời phát hiện, nêu gương các điển hình tiên tiến trong công tác CCHC của huyện và của các cơ quan, đơn vị, địa phương,

đặc biệt là các sáng kiến CCHC có hiệu quả trong thực tiễn. Đồng thời phản ánh những hạn chế, tồn tại của bộ máy, của cán bộ công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện CCHC.

4. Giao Phòng Nội vụ làm đầu mối theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch nhằm cải thiện thứ hạng từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC. Định kỳ hàng quý tổng hợp, lồng ghép việc thực hiện kế hoạch này vào báo cáo CCHC để báo cáo UBND huyện theo dõi, chỉ đạo.

UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND huyện (qua phòng Nội vụ) để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT. Huyện ủy; TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC huyện;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT, lrv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Siu Luynh

Phụ lục
MỤC TIÊU CỤ THỂ NHẪM DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC HUYỆN ĐỨC CƠ NĂM 2021
VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Kèm theo Kế hoạch số: 135 /KH-UBND ngày 27 / 9 /2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	2	3	4	5	6
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC				
1	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	Hoàn thành 100% kế hoạch	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch
2	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.	Phòng Nội vụ	Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tài chính và Kế hoạch, Văn phòng HĐND -UBND huyện/các phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Theo yêu cầu của Sở Nội vụ
3	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	Từ 30% trở lên cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp huyện và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã được kiểm tra trong năm	Phòng Nội vụ	Phòng Tư pháp; Văn phòng HĐND-UBND; Phòng Tài chính và Kế hoạch, Phòng Văn hóa- Thông tin và UBND các xã thị trấn	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
4	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra hoàn thành việc xử lý	Phòng Nội vụ	Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tài chính và Kế hoạch, Văn phòng HĐND - UBND huyện/Các phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Sau khi kết thúc đợt kiểm tra
5	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	- Tuyên truyền CCHC cả 3 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên Cổng thông tin điện tử của huyện; (3) Tuyên truyền CCHC trên Truyền thanh – Truyền hình của huyện. - Ngoài các hình thức trên, tuyên truyền thêm ít nhất một trong các hình thức sau: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác.	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch
6	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên (Hàng năm, mỗi cơ quan, đơn vị, địa	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		phương triển khai tối thiểu 01 sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và báo cáo Phòng Nội vụ để tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định)			
7	TC 1.6 - Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao (Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh giao)	Thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
II	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL LUẬT TẠI TỈNH				
1	TCTP 2.1.1 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể: + Thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật. + Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật. + Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.	Phòng Tư pháp	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Theo kế hoạch

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
2	TCTP 2.1.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	Phòng Tư pháp	Phòng, ban, ngành huyện;	Trong năm đánh giá
3	TCTP 2.2.1 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định ban hành danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực kịp thời và đúng quy định	Phòng Tư pháp	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Chậm nhất ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề năm đánh giá
4	TCTP 2.2.2- Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	100% văn bản hoàn thành việc xử lý	Phòng Tư pháp	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm/kết thúc năm đánh giá
5	TC 2.3 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị.	100% văn bản hoàn thành việc xử lý	Phòng Tư pháp	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	TCTP 3.1.1 - Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Không ban hành các quy định TTHC (nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC...) trái với thẩm quyền được giao	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
2	TCTP 3.1.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	100% vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Theo kế hoạch/kết thúc năm đánh giá

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
3	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời và đã công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định của bộ, ngành Trung ương	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	- Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. - Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC.
4	TCTP 3.2.2 - Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
					05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.
5	TCTP 3.2.3 - Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM UBND cấp huyện, cấp xã được công bố quy trình nội bộ	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Sau khi có quyết định công bố TTHC
6	TCTP 3.2.4 - Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	100% CQCM cấp huyện và ĐVHC cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Bưu điện huyện, /Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm/Sau khi có quyết định công bố TTHC
7	TCTP 3.2.5 - Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại 2 cấp chính quyền của huyện được công khai trên Cổng TTĐT của huyện, Cổng dịch vụ công của tỉnh; 100%	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm/Sau khi có quyết định công bố TTHC

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		CQCM cấp huyện, ĐVHC cấp xã công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình			
8	TCTP 3.2.6 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh	100% CQCM cấp huyện, UBND cấp xã công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin của huyện/Trang TTĐT của địa phương và Cổng dịch vụ công của tỉnh	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
9	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp, huyện, xã được tiếp nhận và trả kết quả giải tại Bộ phận Một cửa của cấp huyện, xã	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
10	TCTP 3.3.2 - Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	80% trở lên số TTHC trong Danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 và các văn bản khác (nếu có) được đưa ra thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Bảo hiểm xã hội huyện, Bưu điện huyện/phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
11	TCTP 3.3.3 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Từ 50 TTHC trở lên	Văn phòng HĐND-	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã,	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			UBND huyện	thị trấn	
12	TCTP 3.3.4 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Từ 30 TTHC trở lên	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
13	TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
14	TCTP 3.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban huyện	Thường xuyên trong năm
15	TCTP 3.4.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng HĐND-UBND huyện	UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
16	TCTP 3.4.4 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Khi để xảy ra trễ hẹn
17	TCTP 3.4.5 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	80% - 100% CQCM cấp huyện, cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm
18	TCTP 3.5.1 - Xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	100% PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện được trả lời	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Sau khi có phản ánh kiến nghị/theo thời gian quy định

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
19	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Sau khi có văn bản trả lời/theo thời gian quy định
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH				
1	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	Thực hiện đúng quy định	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện	Khi có quy định mới của Trung ương về tổ chức bộ máy có hiệu lực thi hành
2	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	100% số phòng thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó và có cơ cấu hợp lý giữa số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện	Trong năm đánh giá
3	4.1.3 - Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	Từ 10% trở lên	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Trong năm trong năm đánh giá và những năm tiếp theo
4	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện	Trong năm đánh giá
5	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự	Sử dụng không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Trong năm đánh giá

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	ngành công lập của tỉnh				
6	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	Từ 10% trở lên	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Trong năm đánh giá và những năm tiếp theo
7	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Trong năm đánh giá và những năm tiếp theo
8	TCTP 4.3.2 - Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	Có thực hiện theo quy định	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá và những năm tiếp theo
9	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá và những năm tiếp theo
V	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CB,CC,VC				
1	TCTP 5.1.1 - Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Ban hành đầy đủ, kịp thời	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện	Trong năm đánh giá
2	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng	100% cơ quan, tổ chức hành chính của huyện bố trí công	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành	Trong năm đánh giá

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	vị trí việc làm được phê duyệt	chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí		huyện	
3	TCTP 5.1.3 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	100% đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện	Trong năm đánh giá
4	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Theo kế hoạch (nếu có)
5	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	100% đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định	Phòng Nội vụ	Phòng, ban, ngành huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện	Theo kế hoạch (nếu có)
6	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	Thực hiện đúng quy định	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Theo kế hoạch (nếu có)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
7	TCTP 5.3.2 - Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	Thực hiện đúng quy định	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Theo kế hoạch (nếu có)
8	TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định	Phòng Nội vụ	Các Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện	Trong năm đánh giá
9	TCTP 5.5.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định tại Nghị định 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Theo quy định
10	TCTP 5.5.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
11	TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thành 100% kế hoạch	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
12	TCTP 5.7.1 - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	100% công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ	Phòng Nội vụ	UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá và những năm tiếp theo
13	TCTP 5.7.2 - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ	Phòng Nội vụ	UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá và những năm tiếp theo
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch	Hoàn thành 100% kế hoạch	Phòng Tài	Phòng, ban, ngành	Trong năm đánh giá

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	đầu tư vốn ngân sách nhà nước		chính và Kế hoạch	huyện; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan	
2	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước	Không có sai phạm	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
3	TCTP 6.1.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Thực hiện 100% kiến nghị	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm đánh giá
4	TCTP 6.2.1 - Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	Ban hành các văn bản đảm bảo nội dung, đầy đủ, đúng thời gian và công khai theo quy định	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
5	TCTP 6.2.2 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	100% cơ quan, đơn vị ban hành	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
6	TCTP 6.2.3 - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Từ 80% trở lên cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
7	TCTP 6.2.4 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	Có kiểm tra theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
8	TCTP 6.3.1 - Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	Có thêm từ 02 đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị	Trong năm đánh giá
9	TCTP 6.3.2 - Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Có thêm từ 02 đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị	Trong năm đánh giá
10	TCTP 6.3.3 - Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Không có sai phạm	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện	Trong năm đánh giá
11	TCTP 6.3.4 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện trong năm đánh giá so với năm 2015 từ 10% trở lên	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện. các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện	Trong năm đánh giá
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ				

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	SỐ				
1	TCTP 7.1.1 - Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử huyện theo quy định	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
2	TCTP 7.1.2 - Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Vận hành và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
3	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	Hạn chế tối đa văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
4	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 30% trở lên	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
5	TCTP 7.1.5 - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	100% Phòng, ban, ngành và tương đương, UBND cấp xã kết nối	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
6	TCTP 7.1.6 - Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Hệ thống thông tin một cửa điện tử của huyện có đầy đủ chức năng theo quy định	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
7	TCTP 7.1.7 - Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Hệ thống thông tin một cửa điện tử của huyện kết nối liên thông tới 100% sở, ngành	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		cấp tỉnh, 100% các phòng, ban huyện và 100% UBND cấp xã		thị trấn	
8	TCTP 7.1.8 - Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)	Đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và tích hợp đầy đủ DVC trực tuyến mức độ 3, 4 theo danh mục được phê duyệt	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND tỉnh/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
9	TCTP 7.1.9 - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	100% DVC được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng Văn phòng HĐND-UBND tỉnh/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
10	TCTP 7.1.10 - Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin/ Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
11	TCTP 7.1.11 - Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Từ 30% trở lên	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin/ Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
12	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	Từ 50% trở lên	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
13	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	Từ 20% trở lên	Phòng Văn hóa	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã,	Trong năm đánh giá

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			và Thông tin	thị trấn	
14	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	Từ 50% trở lên	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
15	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Từ 5% số hồ sơ TTHC trở lên	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
16	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
17	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 đúng quy định	100% CQCM cấp huyện và ĐVHC cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
18	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	100% CQCM cấp huyện, ĐVHC cấp xã thực hiện đúng quy trình ISO 9001	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH				
1	TCTP 8.1.1 - Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 2% so với năm 2020	Văn phòng HDND - UBND huyện	Bưu điện huyện/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
2	TCTP 8.1.2 - Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Giữ vững hoặc nâng cao tỷ lệ hài lòng so với năm 2020	Văn phòng HDND - UBND huyện	Bưu điện huyện/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
3	TCTP 8.1.3 - Chỉ số hài lòng về công chức tại Bộ phận Một cửa thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 2% so với năm 2020	Văn phòng HDND - UBND huyện	Bưu điện huyện/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
4	TCTP 8.1.4 - Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Giữ vững hoặc nâng cao tỷ lệ hài lòng so với năm 2020	Văn phòng HDND - UBND huyện	Bưu điện huyện/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
5	TCTP 8.1.5 - Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 2% so với năm 2020	Văn phòng HDND - UBND huyện	Bưu điện huyện/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
6	TC 8.2 - Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Cao hơn so với năm trước liền kề	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm đánh giá
7	TCTP 8.3.1 - Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Tăng từ 20% trở lên so với năm trước liền kề	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm đánh giá
8	TCTP 8.3.2- Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Tăng so với năm trước liền kề	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm đánh giá

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
9	TC 8.4 - Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	Vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao từ 4% trở lên	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Chi Cục thuế huyện các cơ quan, đơn vị liên quan/Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Trong năm đánh giá
10	TC 8.5 - Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Tăng cao hơn so với năm trước liền kề	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm đánh giá
11	TC 8.6 - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao đạt và vượt	Phòng Tài chính và Kế hoạch	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm đánh giá